

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
1	372304	Đinh Thị Lan	Hương	3723	16	TCXH1	7.71		73		840 000	840 000	
2	372307	Lôi Thu	Hoài	3723	16	TCXH1	7.62		73		840 000	840 000	
3	372315	Trần Thúy	Quỳnh	3723	16		8.16		74	1 750 000		1 750 000	Khá
4	372316	Quách Thị	Yên	3723	16	TCXH1	7.41		73		840 000	840 000	
5	372322	Nguyễn Trúc	Quỳnh	3723	16		8.18		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
6	372324	Trần Quỳnh	Trang	3723	16		8.09		74	1 750 000		1 750 000	Khá
7	372330	Lê Hưng	Tứ	3723	16		8.14		94	2 000 000		2 000 000	Giỏi
8	372365	Đào Nguyễn Ngọc Tr	Anh	3723	16		8.11		71	1 750 000		1 750 000	Khá
9	372404	Phạm Thị	Dung	3724	20		8.06		71	1 750 000		1 750 000	Khá
10	372408	Nguyễn Thị Thu	Hường	3724	20		8.00		67	1 750 000		1 750 000	Khá
11	372409	Mã Thị Phương	Lan	3724	16	TCXH1	7.68		71		840 000	840 000	
12	372412	Trần Thu	Trang	3724	16		8.23		73	1 750 000		1 750 000	Khá
13	372416	Phạm Thanh	Huyền	3724	16		8.09		71	1 750 000		1 750 000	Khá
14	372423	Trần Quang	Anh	3724	20		8.30		71	1 750 000		1 750 000	Khá
15	372442	Vũ Thị Kiều	Oanh	3724	16		8.36		77	1 750 000		1 750 000	Khá
16	372445	Nguyễn Thị	Cách	3724	16		8.22		77	1 750 000		1 750 000	Khá
17	372451	Phan Thị Thu	Hương	3724	20		8.08		73	1 750 000		1 750 000	Khá
18	372506	Phạm Thu	Trang	3725	8	TCXH1		3	0		840 000	840 000	
19	372510	Hà Thị	Liễu	3725	16	TCXH1	7.53		65		840 000	840 000	
20	372520	Nguyễn Thị	Huyền	3725	16		8.01		65	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
21	372533	Hồ Thị Ngọc	Anh	3725	16		8.06		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
22	372539	Hoàng Thu	Trang	3725	16		8.09		65	1 750 000		1 750 000	Khá
23	372545	Nguyễn Đức	Anh	3725	16		8.04		65	1 750 000		1 750 000	Khá
24	372549	Trần Thị	Minh	3725	16		8.60		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
25	372602	Hoàng Thị Hoài	Xoan	3726	16	TCXH1	7.64		73		840 000	840 000	
26	372604	Lý Thị Phương	Lan	3726	16	TCXH1	7.74		73		840 000	840 000	
27	372614	Nguyễn Thị	Bình	3726	16		8.03		71	1 750 000		1 750 000	Khá
28	372616	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	3726	16	TCXH1	7.59		71		840 000	840 000	
29	372617	Nguyễn Thị	Thành	3726	16		8.03		71	1 750 000		1 750 000	Khá
30	372618	Trịnh Thị	Thảo	3726	16		8.11		71	1 750 000		1 750 000	Khá
31	372621	Mai Diệp	Anh	3726	16		8.04		71	1 750 000		1 750 000	Khá
32	372623	Phạm Thị Huyền	Quyên	3726	16		8.16		71	1 750 000		1 750 000	Khá
33	372626	Nguyễn Thị	Hiên	3726	16		8.55		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
34	372629	Đặng Thị Việt	Hà	3726	16		8.41		77	1 750 000		1 750 000	Khá
35	372647	Vũ Thị Thuỳ	Ninh	3726	16		8.05		71	1 750 000		1 750 000	Khá
36	372648	Nguyễn Thị	Bình	3726	16		8.04		71	1 750 000		1 750 000	Khá
37	372656	Hoàng Thu	Hoà	3726	16		8.50		71	1 750 000		1 750 000	Khá
38	372717	Lê Thị Hà	Giang	3727	17		8.45		72	1 750 000		1 750 000	Khá
39	372721	Nguyễn Quỳnh	Phương	3727	17		8.02		73	1 750 000		1 750 000	Khá
40	372722	Đinh Thị Kim	Liên	3727	17		8.18		73	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
41	372723	Nguyễn Hữu	Quý	3727	17		8.09		73	1 750 000		1 750 000	Khá
42	372727	Nguyễn Vũ Thu	Huyền	3727	17		8.17		73	1 750 000		1 750 000	Khá
43	372728	Trịnh Thị	Liên	3727	17		8.05		73	1 750 000		1 750 000	Khá
44	372729	Phạm Thị Vân	Anh	3727	17		8.35		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi
45	372730	Trần Thảo	Uyên	3727	17		8.02		73	1 750 000		1 750 000	Khá
46	372734	Nguyễn Minh	Hà	3727	17		8.22		73	1 750 000		1 750 000	Khá
47	372737	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	3727	17		8.06		73	1 750 000		1 750 000	Khá
48	372747	Đỗ Thị Ngọc	ánh	3727	17		8.19		73	1 750 000		1 750 000	Khá
49	372755	Hoàng Mạnh	Cường	3727	17		8.05		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
50	372758	Đặng Vũ Thuỳ	Linh	3727	17		8.87		74	1 750 000		1 750 000	Khá
51	372764	Bùi Văn	Dũng	3727	17		8.02		73	1 750 000		1 750 000	Khá
52	372804	Trương Thị	Vàng	3728	17	TCXH1	8.17		73	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
53	372807	Nguyễn Thị Nhật	Tân	3728	17		8.11		73	1 750 000		1 750 000	Khá
54	372808	Hà Thị	Thủy	3728	17		8.01		73	1 750 000		1 750 000	Khá
55	372811	Ngô Thị Ngọc	Anh	3728	17		8.14		73	1 750 000		1 750 000	Khá
56	372813	Hoàng Trung	Hiếu	3728	17		8.56		73	1 750 000		1 750 000	Khá
57	372816	Hoàng Vương	Yến	3728	17		8.22		73	1 750 000		1 750 000	Khá
58	372818	Trần Thị Vân	Anh	3728	17		8.13		73	1 750 000		1 750 000	Khá
59	372828	Trần Thị Ngọc	ánh	3728	17		8.19		73	1 750 000		1 750 000	Khá
60	372829	Vũ Thị Mỹ	Duyên	3728	17		8.00		73	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
61	372833	Phạm Thu	Hương	3728	20		8.13		73	1 750 000		1 750 000	Khá
62	372834	Nguyễn Chiến	Thắng	3728	17		8.16		73	1 750 000		1 750 000	Khá
63	372835	Hoàng Thị Hương	Giang	3728	17	TCXH1	6.34	1	66		840 000	840 000	
64	372855	Lê Hồng Yến	Linh	3728	17		8.34		73	1 750 000		1 750 000	Khá
65	372861	Nguyễn Thị Hồng	Vân	3728	17		8.27		73	1 750 000		1 750 000	Khá
66	372862	Nguyễn Vũ	Đức	3728	17		8.44		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
67	372864	Lê Thị Thuỳ	Dương	3728	17		8.08		73	1 750 000		1 750 000	Khá
68	382304	Vũ Thu	Hà	3823	18		8.08		76	1 750 000		1 750 000	Khá
69	382309	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	3823	18		7.98		78	1 750 000		1 750 000	Khá
70	382313	La Thị	Thời	3823	18	TCXH1	7.98		70	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
71	382404	Nguyễn Thị Lan	Hương	3824	18		7.93		70	1 750 000		1 750 000	Khá
72	382405	Hà Thị	Thảo	3824	18	TCXH1	6.05	1	56		840 000	840 000	
73	382414	Nguyễn Thị	Lan	3824	18		7.98		77	1 750 000		1 750 000	Khá
74	382417	Ma Thị	Nường	3824	18	TCXH1	6.78		78		840 000	840 000	
75	382420	Đặng Thị	Đào	3824	18	TCXH1	7.88		82	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
76	382421	Đỗ Thị	Hoa	3824	18	TCXH1	7.92		78	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
77	382442	Hoàng Minh	Luyến	3824	18	TCXH1	7.32		72		840 000	840 000	
78	382444	Tô Thị Minh	Hồng	3824	18	TCXH1	7.08		60		840 000	840 000	
79	382457	Hoàng Thị	Nường	3824	18	TCXH1	6.10	1	56		840 000	840 000	
80	382460	Trần Thanh	Tùng	3824	18	TCXH1	7.23		83		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
81	382507	Nguyễn Sinh	Tú	3825	18		8.03		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
82	382513	Hoàng Thị	Thương	3825	18		8.01		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
83	382514	Hoàng Kiều	Oanh	3825	18		7.91		76	1 750 000		1 750 000	Khá
84	382515	Nguyễn Hồng	Quân	3825	18		7.95		77	1 750 000		1 750 000	Khá
85	382520	Nông Thị	Dung	3825	18	TCXH1	7.48		80		840 000	840 000	
86	382521	La Thị	Xuân	3825	18	TCXH1	7.14		74		840 000	840 000	
87	382535	Vương Thị	Ngân	3825	18	TCXH1	7.03	1	78		840 000	840 000	
88	382546	Ngô Thị Thanh	Hà	3825	18		7.87		76	1 750 000		1 750 000	Khá
89	382547	Nguyễn Hà	Nhiên	3825	18		7.87		76	1 750 000		1 750 000	Khá
90	382548	Vương Mạc	Khải	3825	18		7.94		76	1 750 000		1 750 000	Khá
91	382557	Liễu Ngọc	Linh	3825	18	TCXH1	6.97		76		840 000	840 000	
92	382564	Trần Thị	Thùy	3825	18		7.91		76	1 750 000		1 750 000	Khá
93	382601	Diệp Thị	Liên	3826	18	TCXH1	7.52		75		840 000	840 000	
94	382605	Lạc Hồng	Minh	3826	18	TCXH1	6.70		75		840 000	840 000	
95	382606	Nguyễn Khánh	Ly	3826	18		7.87		73	1 750 000		1 750 000	Khá
96	382614	Bùi Thị Phương	Thùy	3826	18		7.83		76	1 750 000		1 750 000	Khá
97	382615	Nguyễn Thị Thu	Phương	3826	18		7.83		76	1 750 000		1 750 000	Khá
98	382621	Nguyễn Thị Mai	Chi	3826	18		7.88		78	1 750 000		1 750 000	Khá
99	382624	Nguyễn Văn	Chính	3826	18		7.93		83	1 750 000		1 750 000	Khá
100	382641	Phạm Thị Diệu	Thu	3826	18		7.93		78	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
101	382644	Nguyễn Thị	Thương	3826	18	TCXH1	6.82		72		840 000	840 000	
102	382665	Đình Văn	Hoàng	3826	18		7.95		73	1 750 000		1 750 000	Khá
103	382673	Trịnh Ngọc	Ly	3826	18		8.02		76	1 750 000		1 750 000	Khá
104	382703	Nông Thu	Hường	3827	18		8.24		72	1 750 000		1 750 000	Khá
105	382707	Phạm Thị Ngọc	ánh	3827	18		7.82		65	1 750 000		1 750 000	Khá
106	382708	Nguyễn Hương	Giang	3827	18		7.98		76	1 750 000		1 750 000	Khá
107	382713	Nguyễn Thị	Lan	3827	18	TCXH1	8.01		71	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
108	382715	Lưu Thị	Tuyến	3827	18		7.84		72	1 750 000		1 750 000	Khá
109	382720	Chu Thị	Nga	3827	18	TCXH1	7.83		84	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
110	382722	Lê Thị	Huế	3827	18		7.97		74	1 750 000		1 750 000	Khá
111	382733	Vũ Thị	Nhinh	3827	18		7.83		75	1 750 000		1 750 000	Khá
112	382735	Nông Thị Kim	Oanh	3827	18		8.01		70	1 750 000		1 750 000	Khá
113	382736	Hà Thị Ngọc	Yến	3827	18		7.94		73	1 750 000		1 750 000	Khá
114	382757	Nguyễn Mạnh	Hà	3827	18	TCXH1	7.42		69		840 000	840 000	
115	382765	Phạm Thuỳ	Linh	3827	18		7.88		82	1 750 000		1 750 000	Khá
116	382803	Bùi Hồng	Tiết	3828	17	TCXH1	7.84		85	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
117	382805	Lường Thị An	Quyên	3828	17	TCXH1	7.69		65		840 000	840 000	
118	382808	Trần Thị	Hiền	3828	17		7.84		78	1 750 000		1 750 000	Khá
119	382809	Hứa Thảo	Mai	3828	17	TCXH1	7.39		76		840 000	840 000	
120	382811	Thân Thị	Thảo	3828	20		8.24		79	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
121	382812	Lường Ngọc	Hùng	3828	17	TCXH1	7.43		93		840 000	840 000	
122	382813	Lê Thùy	Trang	3828	17	TCXH1	7.56		84		840 000	840 000	
123	382814	Mai Linh	Chi	3828	17		8.21		93	2 000 000		2 000 000	Giỏi
124	382818	Đỗ Thị	Lương	3828	20	TCXH1	7.98		73	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
125	382820	Nguyễn Thị	Lý	3828	20		8.14		68	1 750 000		1 750 000	Khá
126	382821	Hà Thị	Quỳnh	3828	20	TCXH1	7.72		67		840 000	840 000	
127	382830	Nguyễn Thị Vân	Anh	3828	17		7.91		73	1 750 000		1 750 000	Khá
128	382832	Đỗ Thị	Bình	3828	17		7.80		65	1 750 000		1 750 000	Khá
129	382841	Lương Văn	Tuấn	3828	17	TCXH1	7.07		66		840 000	840 000	
130	382844	Nguyễn Thị Kiều	Trang	3828	20		7.89		65	1 750 000		1 750 000	Khá
131	382849	Trần Mỹ	Linh	3828	17		8.11		70	1 750 000		1 750 000	Khá
132	382859	Phạm Thị	Phương	3828	17		7.89		73	1 750 000		1 750 000	Khá
133	382860	Nguyễn Thị Phương	Thu	3828	20		8.01		69	1 750 000		1 750 000	Khá
134	382861	Nhiếp Thị	Lan	3828	20		7.85		73	1 750 000		1 750 000	Khá
135	382863	Nguyễn Thuý	Quỳnh	3828	20		8.03		68	1 750 000		1 750 000	Khá
136	382872	Trần Thùy	Dương	3828	17		7.88		87	1 750 000		1 750 000	Khá
137	392303	Triệu Thị	Huyền	3923	16	TCXH1	7.17		64		840 000	840 000	
138	392306	Nguyễn Dịu	Hà	3923	16	TCXH1	6.51		64		840 000	840 000	
139	392310	Dương Thị Thúy	Quỳnh	3923	16	TCXH1	6.99		64		840 000	840 000	
140	392358	Nguyễn Thị	Tâm	3923	15		8.20		70	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
141	392363	Hồ Thanh	Thủy	3923	15		8.22		65	1 750 000		1 750 000	Khá
142	392368	Phạm Thị Ngọc	ánh	3923	16		8.10		71	1 750 000		1 750 000	Khá
143	392407	Lộc Thị	Lén	3924	16	TCXH1	7.84		74		840 000	840 000	
144	392409	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	3924	15		8.34		76	1 750 000		1 750 000	Khá
145	392410	Hoàng Vũ Anh	Thư	3924	15		8.16		78	1 750 000		1 750 000	Khá
146	392420	Nguyễn Quỳnh	Mai	3924	15		8.44		79	1 750 000		1 750 000	Khá
147	392424	Nguyễn Thuý	Quỳnh	3924	15		8.36		73	1 750 000		1 750 000	Khá
148	392432	Nguyễn Thị	Diệp	3924	15		8.34		74	1 750 000		1 750 000	Khá
149	392438	Nguyễn Thị Thu	Trang	3924	15		8.30		75	1 750 000		1 750 000	Khá
150	392447	Nguyễn Mỹ	Linh	3924	15		8.60		74	1 750 000		1 750 000	Khá
151	392452	Đặng Thị Minh	Ngọc	3924	16		8.29		78	1 750 000		1 750 000	Khá
152	392454	Lê Thị	Thoa	3924	15		8.14		78	1 750 000		1 750 000	Khá
153	392457	Đỗ Thị	Hiền	3924	15		8.16		76	1 750 000		1 750 000	Khá
154	392460	Nguyễn Thị Khánh	Linh	3924	15		8.34		75	1 750 000		1 750 000	Khá
155	392462	Dương Thị ánh	Hồng	3924	16		8.16		73	1 750 000		1 750 000	Khá
156	392466	Trần Thị Bích	An	3924	16		8.39		78	1 750 000		1 750 000	Khá
157	392469	Nguyễn Thị Phương	Hoa	3924	15		8.08		76	1 750 000		1 750 000	Khá
158	392470	Vũ Thị Kim	Oanh	3924	16		8.27		76	1 750 000		1 750 000	Khá
159	392471	Nguyễn Chí	Trung	3924	15		8.24		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
160	392504	Hoàng Thị	Yến	3925	15	TCXH1	7.46		71		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
161	392507	Hoàng Thị	Thuỷ	3925	16		8.00		80	2 000 000		2 000 000	Giỏi
162	392510	Phạm Thị	Thủy	3925	16		8.21		73	1 750 000		1 750 000	Khá
163	392511	Nông Huyền	Chang	3925	15	TCXH1	7.26		74		840 000	840 000	
164	392523	Bùi Thị Thu	Thảo	3925	16		8.06		66	1 750 000		1 750 000	Khá
165	392524	Lê Thị Mai	Hương	3925	15	TCXH1	7.98		71		840 000	840 000	
166	392603	Hà Thị	Diễm	3926	12	TCXH1	7.10		74		840 000	840 000	
167	392625	Hoàng Thu	Thảo	3926	16		8.01		65	1 750 000		1 750 000	Khá
168	392642	Hồ Thị Lê	Dung	3926	15		8.42		65	1 750 000		1 750 000	Khá
169	392660	Đào Thảo	Hiền	3926	16		8.31		65	1 750 000		1 750 000	Khá
170	392665	Hoàng Bích	Ngọc	3926	16		8.45		67	1 750 000		1 750 000	Khá
171	392667	Nguyễn Vũ	Điệp	3926	16		8.27		65	1 750 000		1 750 000	Khá
172	392708	Mã Thị	Ngọc	3927	15	TCXH1	8.04		69	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
173	392711	Vương Thúy	Hà	3927	15		8.04		65	1 750 000		1 750 000	Khá
174	392717	Bùi Thị	Khoa	3927	15		8.28		72	1 750 000		1 750 000	Khá
175	392728	Nguyễn Thị	Mỹ	3927	15		8.62		76	1 750 000		1 750 000	Khá
176	392729	Trần Thị Thu	Hường	3927	15		8.04		70	1 750 000		1 750 000	Khá
177	392733	Dương Thùy	Linh	3927	15		8.00		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
178	392737	Mạc Thị Hà	Linh	3927	15		8.26		68	1 750 000		1 750 000	Khá
179	392740	Nguyễn Thị Khánh	Ly	3927	15		8.32		67	1 750 000		1 750 000	Khá
180	392767	Phạm Thị	Hằng	3927	15		8.50		70	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
181	392810	Tạ Thị Thu	Trà	3928	15		8.00		74	1 750 000		1 750 000	Khá
182	392811	Giản Thị Phương	Anh	3928	15		8.14		72	1 750 000		1 750 000	Khá
183	392819	Nguyễn Thị Mai	Hương	3928	15	TCXH1	8.04		73	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
184	392832	Trịnh Thùy	Phương	3928	15		8.12		75	1 750 000		1 750 000	Khá
185	392836	Vũ Thị	Khương	3928	15		8.50		78	1 750 000		1 750 000	Khá
186	392837	Bá Thị Thùy	Lan	3928	15		8.10		75	1 750 000		1 750 000	Khá
187	392838	Đặng Thị Thanh	Hương	3928	15		8.30		80	2 000 000		2 000 000	Giỏi
188	392840	Cao Thị Kim	Anh	3928	15		8.50		78	1 750 000		1 750 000	Khá
189	392841	Nguyễn Thị Hương	Nguyên	3928	15		8.18		78	1 750 000		1 750 000	Khá
190	392842	Đỗ Mạnh	Trường	3928	15		8.24		78	1 750 000		1 750 000	Khá
191	392848	Nguyễn Quỳnh	Trang	3928	19		8.88		73	1 750 000		1 750 000	Khá
192	392852	Trần Thị	Tâm	3928	15		8.16		74	1 750 000		1 750 000	Khá
193	392861	Chu Khánh	Linh	3928	19		8.99		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
194	392865	Nguyễn Thị	Hân	3928	15		8.18		70	1 750 000		1 750 000	Khá
195	392872	Cao Thị Châm	Anh	3928	15		8.48		76	1 750 000		1 750 000	Khá
196	403131	Bùi Thị	Huệ	4031	15	TCXH1	6.35		69		840 000	840 000	
197	403132	Trịnh Thị	Hương	4031	15		7.55		71	1 750 000		1 750 000	Khá
198	403136	Đào Thị	Thúy	4031	15		7.21		75	1 750 000		1 750 000	Khá
199	403140	Lý Thị	An	4031	15		7.06		71	1 750 000		1 750 000	Khá
200	403141	Nguyễn Lâm	Oanh	4031	15		7.23		67	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : **Pháp luật kinh tế**

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
201	403171	Lý Thị	Hồng	4031	15	TCXH1	4.72	1	56		840 000	840 000	
202	403206	Lê Như	Hoa	4032	15		7.23		71	1 750 000		1 750 000	Khá
203	403212	Lăng Thị	Liên	4032	15	TCXH1	5.64		70		840 000	840 000	
204	403232	Lò Văn	Duyệt	4032	15	TCXH1	5.46	1	70		840 000	840 000	
205	403240	Hoàng Thị	Hà	4032	15	TCXH1	6.08		68		840 000	840 000	
206	403249	Đàm Thị	Thiệp	4032	15	TCXH1	6.20		51		840 000	840 000	
207	403267	Huỳnh Thị Kim	Thúy	4032	15		7.35		69	1 750 000		1 750 000	Khá
208	403270	Nguyễn Thị	Tâm	4032	15	TCXH1	4.48	2	52		840 000	840 000	
209	403328	Nguyễn Thị Thùy	Vân	4033	15		7.08		67	1 750 000		1 750 000	Khá
210	403332	Ngô Thị Ngọc	Trâm	4033	15		7.26		67	1 750 000		1 750 000	Khá
211	403339	Vũ Thị Huyền	Trang	4033	15		7.35		67	1 750 000		1 750 000	Khá
212	403344	Đỗ Thị	Dung	4033	15		7.31		67	1 750 000		1 750 000	Khá
213	403404	Cao Thị	Hải	4034	15		7.72		82	1 750 000		1 750 000	Khá
214	403423	Hồ Thị Kim	Phụng	4034	15	TCXH1	5.00	1	60		840 000	840 000	
215	403450	Hoàng Thị Thu	Thảo	4034	15		7.51		82	1 750 000		1 750 000	Khá
216	403455	Vũ Thị	Trang	4034	15		7.17		83	1 750 000		1 750 000	Khá
217	403526	Lục Thị Kiều	Trang	4035	15	TCXH1	4.23	1	67		840 000	840 000	
218	403567	Doãn Thị	Hồng	4035	15	TCXH2	5.50		68		600 000	600 000	
219	403568	Quan Thị Thu	Quỳnh	4035	15	TCXH1	6.15		60		840 000	840 000	
220	403623	Nguyễn Thị Kim	Phượng	4036	15		7.04		84	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : **Pháp luật kinh tế**

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
221	403627	Lý Thái Bảo	4036	15		7.27		70	1 750 000		1 750 000	Khá
222	403636	Nguyễn Bích Thủy	4036	15		7.98		73	1 750 000		1 750 000	Khá
223	403641	Bùi Thị Như ý	4036	15		7.51		72	1 750 000		1 750 000	Khá
224	403668	Phạm Bá Đạt	4036	15	TCXH1	4.64		69		840 000	840 000	
		Tổng							308 500 000	50 160 000	358 660 000	

Hà Nội, Ngày tháng năm 20...
PHÓ HIỆU TRƯỞNG